

Số: /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Vinh
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2268/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình của Cục Hàng không Việt Nam số 3839/TTr-CHK ngày 31/7/2024 về việc trình phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; văn bản số 268/CHK-QLC ngày 15/01/2025 về việc tiếp thu, giải trình hồ sơ Quy hoạch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư tại văn bản số 152/KHĐT ngày 12/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Địa điểm: Cảng hàng không quốc tế Vinh, tỉnh Nghệ An.

3. Thời kỳ quy hoạch: Thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Nội dung quy hoạch:

4.1. Vị trí, chức năng trong mạng cảng hàng không dân dụng toàn quốc: là cảng hàng không quốc tế.

4.2. Tính chất sử dụng: sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

4.3. Mục tiêu quy hoạch:

a) Thời kỳ 2021-2030

- Cấp sân bay: 4E (theo mã tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế - ICAO).
- Công suất: khoảng 8,0 triệu hành khách/năm và 25.000 tấn hàng hóa/năm.
- Loại tàu bay khai thác: tàu bay code C như A320/A321 và tương đương, tàu bay code E như B747/B777/B787/A350 và tương đương.
- Phương thức tiếp cận hạ cánh: theo tiêu chuẩn CAT II tại đầu 17 của đường cất hạ cánh số 1.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

- Cấp sân bay 4E (theo mã tiêu chuẩn của ICAO).
- Công suất: Khoảng 14,0 triệu hành khách/năm và 35.000 tấn hàng hóa/năm.
- Loại tàu bay khai thác: tàu bay code C như A320/A321 và tương đương, tàu bay code E như B747/B777/B787/A350 và tương đương.
- Phương thức tiếp cận hạ cánh: theo tiêu chuẩn CAT II tại đầu 17 của đường cất hạ cánh số 1, đầu 02 và đầu 20 của đường cất hạ cánh số 2.

4.4. Quy hoạch các công trình khu bay

a) Hệ thống đường cất hạ cánh

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch kéo dài đường cất hạ cánh hiện hữu về phía đầu 17 đạt kích thước 3.000 m x 45 m; kích thước lề vật liệu theo quy định.
- Tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch đường cất hạ cánh số 2 với kích thước 3.000 m x 45 m, hướng 02-20 về phía Đông đường cất hạ cánh hiện hữu, kích thước lề vật liệu theo quy định.

b) Hệ thống đường lăn

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch đường lăn song song số 1 cách tim đường cất hạ cánh số 1 về phía Tây 182m; quy hoạch đường lăn song song số 2 cách tim đường cất hạ cánh số 1 về phía Đông khoảng 180 m; quy hoạch hệ thống đường lăn nối, đường lăn thoát nhanh đồng bộ để kết nối giữa đường lăn song song với đường cất hạ cánh, sân đỗ; kích thước lề vật liệu theo quy định.
- Tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch đường lăn song song số 3 cách tim đường cất hạ cánh số 2 về phía Tây khoảng 180 m; quy hoạch hệ thống đường lăn nối, đường lăn thoát nhanh đồng bộ để kết nối giữa đường lăn song song với đường cất hạ cánh, sân đỗ; kích thước lề vật liệu theo quy định.

c) Sân đỗ máy bay

- Thời kỳ 2021-2030: mở rộng sân đỗ máy bay hiện hữu đáp ứng khoảng 15 vị trí đỗ tàu bay code C; quy hoạch sân đỗ máy bay khu vực nhà ga hành khách T2 đáp ứng khoảng 10 vị trí đỗ tàu bay.

- Tầm nhìn đến năm 2050: mở rộng sân đỗ tàu bay khu vực nhà ga hành khách T2 đáp ứng khoảng 29 vị trí đỗ tàu bay; dự trữ để mở rộng khi có nhu cầu.

4.5. Quy hoạch các công trình bảo đảm hoạt động bay

a) *Đài Kiểm soát không lưu*: quy hoạch đài kiểm soát không lưu mới tại vị trí phía Bắc nhà ga hành khách T1, diện tích khoảng 2,0 ha.

b) *Hệ thống đài dẫn đường*: quy hoạch đài VOR/DME mới, vị trí dự kiến nằm giữa hai đường cất hạ cánh, diện tích khoảng 1.000 m².

c) *Hệ thống đèn hiệu sân bay, thiết bị dẫn đường*:

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch hệ thống đèn tiếp cận chính xác CAT II cho đầu 17 đường cất hạ cánh số 1; quy hoạch ILS đồng bộ với hệ thống đèn tiếp cận.

- Tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch hệ thống đèn tiếp cận chính xác CAT II cho hai đầu đường cất hạ cánh số 2; quy hoạch ILS đồng bộ với hệ thống đèn tiếp cận.

d) *Hệ thống radar thời tiết, hệ thống quan trắc khí tượng tự động (AWOS)*: quy hoạch bổ sung hệ thống radar thời tiết tại vị trí giữa hai đường cất hạ cánh; quy hoạch AWOS đồng bộ cho hai đường cất hạ cánh; quy hoạch bổ sung trạm radar giám sát mặt sân (SMR) tại vị trí phía Bắc nhà ga hành khách T1.

đ) *Các công trình bảo đảm hoạt động bay khác*: nghiên cứu lắp đặt hệ thống tự động cảnh báo xâm nhập đường cất hạ cánh (ARIWS), hệ thống giám sát đa điểm (MLAT), hệ thống giám sát bề mặt đường cất hạ cánh, hệ thống thiết bị phát hiện và xua đuổi chim, hệ thống cảnh báo gió đứt khi có nhu cầu; vị trí cụ thể sẽ được xác định trong bước triển khai dự án.

4.6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung

a) *Đường giao thông nội cảng*

- Đường trục vào cảng hàng không: tiếp tục sử dụng tuyến đường trục hiện hữu; quy hoạch mới tuyến đường trục từ khu hàng không dân dụng mới kết nối với tuyến đường giao thông điều chỉnh của địa phương.

- Đường giao thông nội cảng ngoài sân bay: các tuyến đường kết nối từ đường trục chính tới các khu chức năng của cảng hàng không; mặt cắt ngang các tuyến đáp ứng quy mô khoảng 02 - 04 làn xe.

- Đường công vụ: quy hoạch đường giao thông chạy sát phía trong tường rào cảng hàng không theo quy định, phục vụ tuần tra, bảo đảm an ninh, an toàn.

b) *Hệ thống sân đỗ ô tô*

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch bổ sung sân đỗ ô tô tại vị trí phía Bắc nhà ga hành khách T1 và sân đỗ ô tô phía trước nhà ga hành khách T2; dự trữ để mở rộng khi có nhu cầu.

- Tầm nhìn đến năm 2050: mở rộng sân đỗ ô tô phía trước nhà ga hành khách T2; dự trữ để mở rộng khi có nhu cầu.

c) *Hệ thống cấp điện, chiếu sáng*: tiếp tục sử dụng hệ thống cấp điện hiện có của Thành phố Vinh; quy hoạch bổ sung các trạm biến áp theo nhu cầu sử dụng; bổ sung hệ thống cấp điện cho đường cát hạ cánh số 2 và khu vực hàng không dân dụng mới.

d) *Hệ thống cấp nước*: từ hệ thống cấp nước sạch của thành phố Vinh; quy hoạch bể trữ nước, bơm cấp nước, mạng lưới phân phối nước theo nhu cầu sử dụng.

đ) *Hệ thống thoát nước*: tiếp tục sử dụng hệ thống thoát nước hiện hữu; quy hoạch bổ sung hồ điều hòa, hệ thống thoát nước cho khu vực đường cát hạ cánh, đường lăn, sân đỗ và khu vực hàng không dân dụng xây mới, mở rộng.

e) *Hệ thống xử lý nước thải*: duy trì hệ thống xử lý nước thải hiện hữu, mở rộng khi có nhu cầu; quy hoạch bổ sung hệ thống xử lý nước thải tại khu vực phía Bắc nhà ga hành khách T2, diện tích khoảng 1,0 ha.

g) *Khu vực lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại*: duy trì khu vực lưu giữ chất thải hiện hữu, mở rộng khi có nhu cầu; quy hoạch bổ sung khu vực lưu giữ chất thải phía Bắc nhà ga hành khách T2, diện tích khoảng 5.000 m²; dự trữ để mở rộng khi có nhu cầu.

4.7. Quy hoạch các công trình dịch vụ hàng không

a) *Nhà ga hành khách*

- Thời kỳ 2021-2030: mở rộng nhà ga hành khách T1 hiện hữu đạt công suất khoảng 5,0 triệu hành khách/năm; quy hoạch nhà ga hành khách T2 mới tại khu vực giữa 02 đường cát hạ cánh với công suất khoảng 3,0 triệu hành khách/năm.

- Tầm nhìn đến năm 2050: mở rộng nhà ga hành khách T2 đạt công suất khoảng 9,0 triệu hành khách/năm, nâng tổng công suất toàn Cảng đạt khoảng 14,0 triệu hành khách/năm; dự trữ đất phát triển khi có nhu cầu.

b) *Nhà ga hàng hóa*

- Thời kỳ 2021-2030: tiếp tục duy trì nhà ga hàng hóa hiện hữu; quy hoạch nhà ga hàng hóa và sân đỗ tại khu vực phía Bắc nhà ga hành khách T1, công suất khoảng 25.000 tấn/năm.

- Tầm nhìn đến năm 2050: mở rộng nhà ga hàng hóa và sân đỗ đáp ứng công suất khoảng 35.000 tấn/năm; dự trữ đất phát triển khi có nhu cầu.

c) *Cơ sở tập kết, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không*

- Bãi tập kết phương tiện, trang thiết bị phục vụ mặt đất: thời kỳ 2021-2030 mở rộng bãi tập kết phía Nam sân đỗ tàu bay hiện hữu với diện tích khoảng 6.000 m²; quy hoạch bổ sung tại vị trí tiếp giáp sân đỗ tàu bay của khu hàng không dân dụng mới, diện tích khoảng 4.000 m², tầm nhìn đến năm 2050 tiếp tục mở rộng với tổng diện tích khoảng 1,0 ha.

- Cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không: thời kỳ 2021-2030 tiếp tục duy trì tại khu vực nhà xe ngoại trường hiện hữu; tầm nhìn đến năm 2050 quy hoạch khu vực phía Đông Bắc nhà ga hành khách T2 với diện tích khoảng 8.000 m².

d) *Cơ sở cung cấp xăng dầu hàng không; trạm cấp nhiên liệu cho phương tiện, thiết bị hàng không*

- Cơ sở cung cấp xăng dầu hàng không: quy hoạch tại khu vực phía Bắc nhà ga hành khách T1 với diện tích khoảng 1,0 ha và phía Bắc nhà ga hành khách T2 với diện tích khoảng 1,0 ha; dự trữ đất phát triển khi có nhu cầu.

- Khu vực tra nạp nhiên liệu cho phương tiện, trang thiết bị phục vụ mặt đất: bố trí cạnh bãi tập kết phương tiện, trang thiết bị phục vụ mặt đất.

đ) Trạm kiểm định phương tiện, thiết bị hàng không: quy hoạch cùng vị trí với cơ sở tập kết, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không.

e) Cơ sở cung cấp suất ăn hàng không: quy hoạch khu vực phía Bắc nhà ga hành khách T1 với diện tích khoảng 1,15 ha.

g) Công trình dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay (hangar): quy hoạch khu vực phía Bắc nhà ga hành khách T1 với diện tích khoảng 3,0 ha.

h) Khu hàng không chung: quy hoạch khu vực phía Bắc nhà ga hành khách T1.

4.8. Quy hoạch các công trình dịch vụ phi hàng không, các công trình khác

a) Nhà điều hành cảng hàng không: quy hoạch khu vực phía Bắc nhà ga hành khách T1, diện tích khoảng 5.000 m².

b) Trụ sở cơ quan quản lý nhà nước

Quy hoạch các công trình trụ sở cơ quan quản lý nhà nước tại khu vực phía Bắc nhà ga hành khách T1 và T2, trong đó:

- Cảng vụ hàng không: quy hoạch phía Nam nhà ga hành khách T1 trên khu đất rộng khoảng 5.000 m².

- Hải quan: quy hoạch trên khu đất rộng khoảng 3.000 m².

- Công an xuất nhập cảnh: quy hoạch trên khu đất rộng khoảng 3.000 m².

- Công an địa phương: quy hoạch trên khu đất rộng khoảng 2.000 m².

- Trung tâm y tế: quy hoạch trên khu đất rộng khoảng 2.000 m².

- Trung tâm kiểm dịch động/thực vật: quy hoạch trên khu đất rộng khoảng 2.000 m².

c) Trung tâm an ninh hàng không: quy hoạch khu vực phía Bắc nhà ga hành khách T1, diện tích khoảng 3.000 m².

c) Văn phòng cho thuê, trung tâm điều hành các hãng hàng không: quy hoạch khu vực phía Bắc nhà ga hành khách T2, diện tích khoảng 1.700 m².

4.9. Quy hoạch các công trình bảo đảm an ninh sân bay, khẩn nguy cứu nạn

- Quy hoạch hệ thống hàng rào bao quanh ranh giới đất của cảng hàng không, hàng rào bảo vệ khu bay.

- Công trình khẩn nguy sân bay đạt cấp 9 theo phân cấp của ICAO. Thời kỳ 2021-2030 quy hoạch ở phía Bắc nhà ga hành khách T1; tầm nhìn đến năm 2050 quy hoạch bổ sung thêm 02 trạm gần khu vực các đầu của đường cất hạ cánh mới, diện tích mỗi trạm khoảng 3.000 m².

- Khu xử lý bom mìn: quy hoạch về phía Bắc đầu 17 đường cất hạ cánh số 1 và đầu 20 đường cất hạ cánh số 2 khoảng 200 m, diện tích mỗi khu khoảng 500 m².

4.10. Quy hoạch sử dụng đất

Nhu cầu sử dụng đất cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Cảng hàng không quốc tế Vinh khoảng 543,53 ha, trong đó bao gồm:

- Diện tích đất do hàng không dân dụng quản lý: 262,708 ha.
- Diện tích đất do quân sự quản lý: 238,838 ha.
- Diện tích đất dùng chung: 41,988 ha.

Diện tích đất đề nghị bổ sung (so với Quyết định số 769/QĐ-BGTVT ngày 04/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) khoảng 96,5 ha.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu Báo cáo thẩm định của Vụ Kế hoạch - Đầu tư để hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và các cơ quan liên quan tổ chức công bố, quản lý và thực hiện quy hoạch theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An có trách nhiệm rà soát, cập nhật các nội dung quy hoạch nêu trên vào quy hoạch của địa phương và các quy hoạch có liên quan; bố trí và bảo vệ quỹ đất phù hợp theo Quy hoạch được duyệt, có phương án về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo quỹ đất sẵn sàng đáp ứng khi có nhu cầu phát triển mở rộng theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ; các Vụ: Kế hoạch - Đầu tư, Kết cấu hạ tầng giao thông, Vận tải, Khoa học - Công nghệ và Môi trường; Cục trưởng các Cục: Quản lý đầu tư xây dựng, Hàng không Việt Nam và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: QP, CA, KH&ĐT, TC, XD, NN&PTNT, TN&MT, VH&DL, Công Thương;
- Ủy ban QLVN tại doanh nghiệp;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Viện CL&PTGTVT;
- Cảng vụ hàng không miền Bắc;
- Các TCT: Quản lý bay VN; Cảng HKVN;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, Vụ KHĐT. VULH

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn